



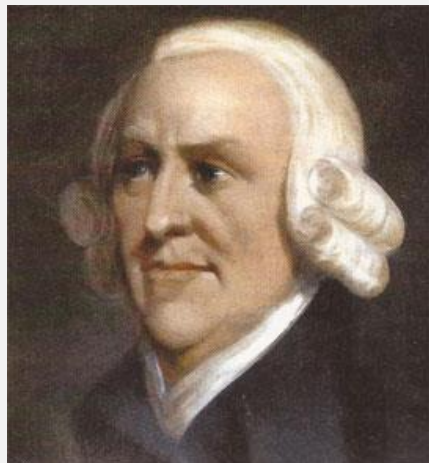
Jonathan Pincus
Summer 2022

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Development Policy

FSPPM

ADAM SMITH, CỦA CẢI CỦA CÁC QUỐC GIA (*THE WEALTH OF NATIONS*) (1776)



Adam Smith

- *Chuyên môn hóa và phân công lao động* là nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế
- Smith đánh giá cao công nghiệp chế biến hiện đại
 - Kỹ năng phát triển nhờ lặp đi lặp lại một nhiệm vụ: học tập qua thực hành (learning by doing)
 - Dây chuyền lắp ráp: không bị lãng phí thời gian khi chuyển đổi giữa các nhiệm vụ
 - Cơ giới hóa các tác vụ đơn giản (trang thiết bị vốn)
- Nhưng chuyên môn hóa và phân công lao động phụ thuộc vào quy mô của thị trường → Smith chưa bao giờ giả định mọi sản phẩm sản xuất đều sẽ tự động tìm thấy thị trường

CHUYÊN MÔN HÓA VÀ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG PHỤ THUỘC VÀO QUY MÔ CỦA THỊ TRƯỜNG



Hla Myint

- Hla Myint đưa khái niệm “thông gió cho thặng dư” (vent for surplus) vào phát triển ở Đông Nam Á
- Đông Nam Á xuất khẩu các nông sản đồn điền (cao su, cà phê, gạo) để đưa đất chưa khai thác vào sản xuất (nhớ lại quá khứ giàu tài nguyên đất của Đông Nam Á)
- Myint là người đầu tiên ủng hộ tăng trưởng dựa vào xuất khẩu (trái ngược với thái độ bi quan đối với xuất khẩu của Gunnar Myrdal)
- Thị trường xuất khẩu lớn sẽ tạo ra cơ hội để hiện thực hóa tính kinh tế theo quy mô → ví dụ trường hợp tôm và cá da trơn tại ĐBSCL
- Khả năng sinh lợi sẽ thúc đẩy đầu tư vốn, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận (nhớ lại mô hình Lewis)

LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CÓ NHỮNG HÀM Ý CHÍNH SÁCH KỲ LẠ

- Các nhà kinh tế học cổ điển như Adam Smith và Hla Myint nhấn mạnh đầu tư vốn, phân công lao động và ngoại thương là nguồn gốc tạo ra tăng trưởng kinh tế
- Mô hình tăng trưởng tân cổ điển đưa ra một số giả định hạn chế, các giả định này đã làm thay đổi định hướng chính sách tăng trưởng của cả một thế hệ
 - Giả định về tỷ suất lợi nhuận của vốn giảm dần khiến nhiều nhà kinh tế kết luận rằng đầu tư không quan trọng.
 - Giả định công nghệ nằm ngoài đầu tư
 - Giả định về nền kinh tế chỉ có một ngành duy nhất đã che mắt các nhà kinh tế học về tầm quan trọng của lĩnh vực chế biến chế tạo trong những giai đoạn đầu phát triển.
 - Giả định về toàn dụng lao động dẫn đến kết luận rằng các nước nghèo phải đánh đổi giữa đầu tư và tiêu dùng
- Đối với các nhà hoạch định chính sách, các mô hình này không quan trọng, nhưng cần phải nhận thức được các giả định mà các nhà kinh tế học đưa ra



LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG HIỆN ĐẠI

- Lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển dự đoán rằng các nước nghèo sẽ tăng trưởng nhanh hơn nước giàu (hội tụ)
 - Tỷ suất lợi nhuận của vốn giảm dần
 - Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ vốn/sản lượng) thấp hơn ở nước nghèo
- Lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển “mới” xuất hiện từ những năm 1980 đã nói lỏng một vài giả định để giải thích việc sự hội tụ này không xuất hiện
 - Các nước nghèo không phải lúc nào cũng bắt kịp nước giàu, mặc dù có một số nước thành công
 - Tại sao một số nước nghèo vẫn nghèo?
 - Lý thuyết tăng trưởng “mới” nói lỏng giả định về tỷ suất lợi nhuận của vốn giảm dần



LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG TÂN CỔ ĐIỂN

TRUYỀN THỐNG: MÔ HÌNH SOLOW

- Kinh tế học tân cổ điển giả định rằng giá sẽ điều chỉnh để đảm bảo cung luôn bằng với cầu
- Vì vậy
 - Tiết kiệm luôn bằng với đầu tư ($S = I$)
 - Mức độ đầu tư được quyết định bởi tiết kiệm (tiêu dùng ít hơn và và giảm thâm hụt ngân sách chính phủ sẽ làm tăng đầu tư)
 - Lợi nhuận kỳ vọng không được xem là yếu tố quyết định mức độ đầu tư
- Có ba giả định để phép tính đơn giản hơn:
 - Công nghệ thay đổi theo thời gian, nhưng không được đưa vào mô hình vì công nghệ được giả định là tăng trưởng với tốc độ không đổi.
 - *Suất sinh lợi theo quy mô không đổi (constant returns to scale) và suất sinh lợi giảm dần theo vốn và lao động (diminishing returns to capital and labor)*
 - Lực lượng lao động tăng trưởng với tốc độ bằng với tốc độ tăng dân số



HÀM SẢN XUẤT COBB-DOUGLAS

$$Y = TK^{\alpha}L^{1-\alpha}$$

Trong đó Y là thu nhập (GDP), T là tiến bộ khoa học kỹ thuật không đổi (hằng số), K là vốn và L là lao động (tốc độ tăng là hằng số).

α là độ co giãn của sản lượng theo vốn, và $(1 - \alpha)$ là độ co giãn của sản lượng theo lao động

Vì $\alpha + (1 - \alpha) = 1$, chúng ta biết rằng nền kinh tế có suất sinh lợi theo quy mô không đổi và suất sinh lợi giảm dần theo vốn và lao động

K và L tăng 1% thì Y sẽ tăng 1%



CHIA CẢ HAI VẾ CHO L ĐỂ BIẾN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THÀNH BIẾN PHỤ THUỘC

$$\frac{Y}{L} = \frac{TK^{\alpha}L^{1-\alpha}}{L} = T\left(\frac{K}{L}\right)^{\alpha}$$

Y/L là năng suất lao động (sản lượng trên đầu người), ta gọi là q

K/L là tỷ số vốn trên lao động (lượng vốn trên đầu người), ta gọi là k

$q = T(k)^{\alpha}$ hoặc năng suất lao động bằng với công nghệ áp dụng lên tỷ số vốn trên lao động, tốc độ tăng trưởng là một hằng số nhỏ hơn 1.

Năng suất (q) phụ thuộc vào lượng vốn trên mỗi lao động (k)

Nhưng *suất sinh lợi giảm dần theo vốn* vì vậy *tốc độ tăng trưởng của q* sẽ chậm hơn khi tỷ số vốn trên lao động cao (α nhỏ hơn 1).



TRẠNG THÁI ỔN ĐỊNH: KHI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA L BẰNG VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA K

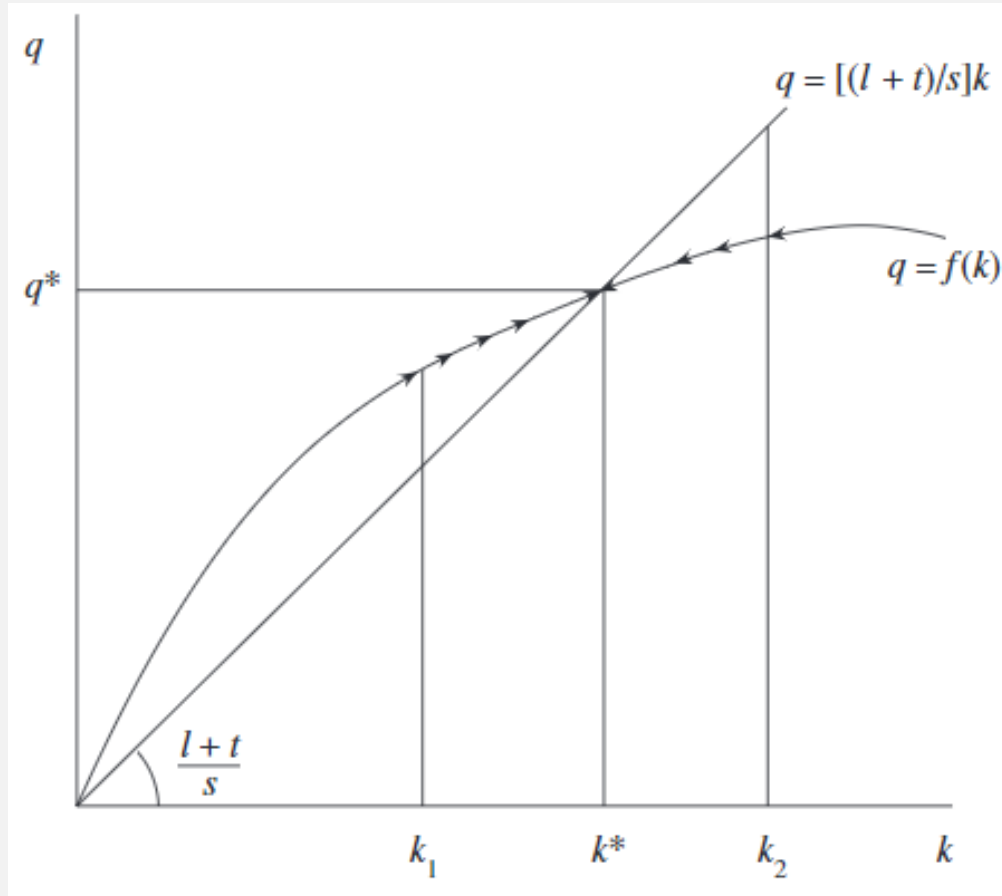
Năng suất $q = T(k)^\alpha$ sẽ tăng nhiều hơn với mỗi đơn vị k khi k (lượng vốn trên đầu người) thấp

Đường 45° từ gốc tọa độ thể hiện các điểm mà tại đó lượng vốn trên lao động ($q=K/L$) và sản lượng trên lao động ($k=Y/L$) là bằng nhau

Tại điểm k_1 , sản lượng trên lao động tăng nhanh hơn vốn trên lao động

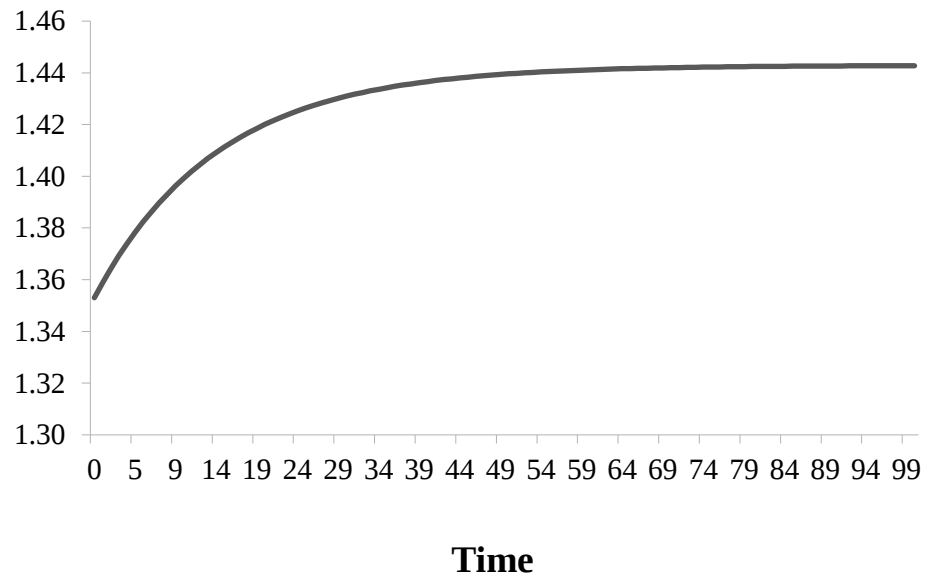
Tại điểm k_2 , sản lượng trên lao động thấp hơn vốn trên lao động

Ở điểm q^* và k^* tỷ số vốn trên đầu người ở trạng thái ổn định. Vốn trên đầu người và thu nhập sẽ giữ nguyên không đổi.

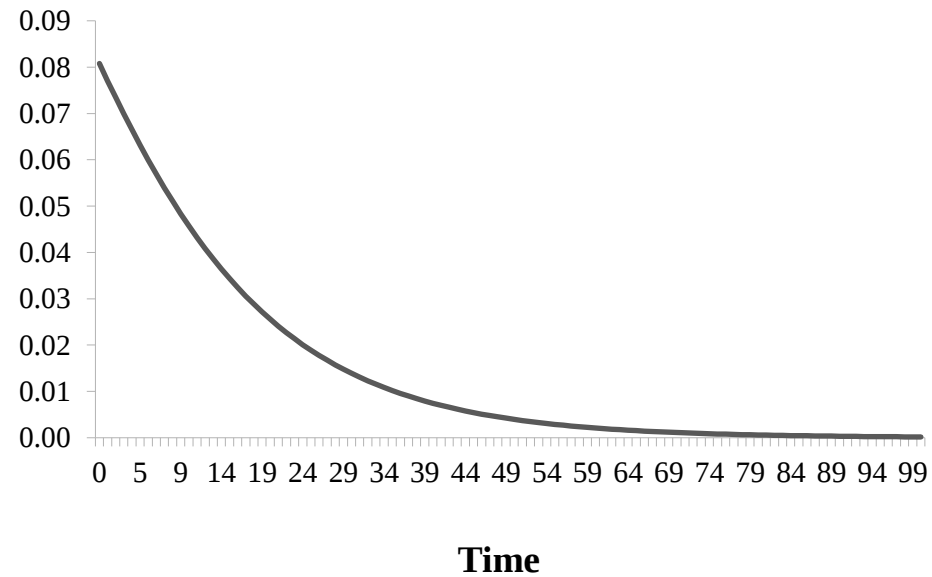


CÓ THỂ NHÌN VÀO VÍ DỤ DỮ LIỆU TRONG FILE “SOLOW MODEL EXAMPLE.XLSX”

Output (per cápita)



Output growth



MÔ HÌNH SOLOW CÓ Ý NGHĨA GÌ?

- Kết luận chính của mô hình này là nước nghèo (có k thấp) sẽ tăng trưởng nhanh hơn và nước giàu (k cao) sẽ tăng trưởng chậm hơn.
- Vì vậy chúng ta sẽ nhìn thấy thu nhập giữa các nước *hội tụ* theo thời gian (sẽ thảo luận vấn đề này trong buổi sau).
- Tỷ lệ tiết kiệm ảnh hưởng đến *mức* thu nhập tại trạng thái ổn định của nền kinh tế (với k cao hơn trong trạng thái ổn định), nhưng không ảnh hưởng đến *tốc độ* tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm ngoài mô hình này (tiến bộ khoa học kỹ thuật và tốc độ tăng dân số)
- Đầu tư luôn bằng với tiết kiệm và không có hiện tượng thất nghiệp → mô hình nhìn vấn đề từ phía cung và không tính đến vai trò của cầu
- Tỷ lệ đầu tư cao không thể tăng tốc độ tăng trưởng: tăng trưởng phần lớn là do công nghệ, và mô hình này không đưa ra lời giải thích từ phía công nghệ



LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG TÂN CỔ ĐIỂN MỚI: TĂNG TRƯỞNG “NỘI SINH”

- Bỏ đi giả định suất sinh lợi không đổi theo quy mô và suất sinh lợi giảm dần theo vốn.
- Khi đó tỉ lệ đầu tư trở thành điều quan trọng vì suất sinh lợi giảm dần sẽ không xuất hiện tại các mức K/L cao như mô hình truyền thống
 - Ví dụ nếu hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) tạo ra ngoại tác tích cực, như vậy suất sinh lợi của vốn sẽ không giảm dần (Romer)
 - Tiến bộ công nghệ không còn nằm ngoài mô hình (mà sẽ nằm bên trong mô hình – nội sinh)
 - Hoặc giáo dục, ngoại thương, cơ sở hạ tầng hoặc bất cứ lý do gì khiến suất sinh lợi của vốn không bị giảm khi k tăng
- Công thức đơn giản nhất của mô hình tăng trưởng “nội sinh” là:

$$Y=AK$$

Trong đó A là năng suất đầu tư và không đổi, nhờ đó đầu tư và tăng trưởng có cùng tốc độ

LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG “MỚI”: BÌNH MỚI RƯỢU CŨ?

- Lý thuyết tăng trưởng nội sinh tìm cách giải thích sự vắng mặt của tỷ suất lợi nhuận của vốn giảm dần trong khuôn khổ lý thuyết tân cổ điển
- Nhớ lại Adam Smith, về phân công lao động, suất sinh lợi tăng dần theo quy mô và tích lũy vốn
- Nicholas Kaldor (1957): tiến bộ khoa học kỹ thuật không tách rời khỏi K , mà gắn liền trong đó
 - Khi có hiện tượng suất sinh lợi của vốn giảm dần, các phát minh mới sẽ xuất hiện, làm tăng năng suất và vốn
 - Những phát minh mới sẽ kích thích đầu tư, tăng tỉ lệ đầu tư và tốc độ tăng trưởng
 - Các nước tăng trưởng với tốc độ khác nhau là vì mỗi nước có một hàm sản xuất khác nhau, sử dụng các công nghệ khác nhau



ĐIỀU GÌ CÒN THIẾU TRONG CÂU CHUYỆN VỀ TĂNG TRƯỞNG NÀY?

- Chính phủ: Xuyên suốt lịch sử, chính phủ luôn giữ vai trò quan trọng trong việc tăng tốc hay kiềm hãm tăng trưởng.
 - Hoa Kỳ phát triển sức mạnh công nghiệp chế biến là nhờ thuế quan của Alexander Hamilton đánh vào các mặt hàng công nghiệp chế biến nhập khẩu
 - Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc đều hưởng lợi từ viện trợ của chính phủ dành cho sản xuất công nghiệp trong nước.
- Cầu: thuyết tăng trưởng tân cổ điển giả định cung luôn bằng với cầu (không có thất nghiệp, và tiết kiệm luôn bằng với đầu tư).
 - Nhưng phát triển bắt đầu từ điều kiện dư thừa lao động và năng suất thấp, những điều không thể giả định là không có
 - Sẽ không có đầu tư, bất kể với tỷ lệ tiết kiệm nào, nếu không có đủ cầu đối với sản phẩm đầu ra



NĂNG SUẤT YẾU TỔ TỔNG HỢP

- Sử dụng mô hình Solow để ước tính tăng trưởng không phải là kết quả của việc tăng thêm vốn hoặc lao động theo đầu người
- Được hiểu là thước đo của thay đổi công nghệ
- Nhưng vẫn duy trì giả định về tỷ suất sinh lời của vốn và lao động giảm dần và tỷ suất theo quy mô không đổi
- Cũng giả định rằng công nghệ không phải là hiện thân của đầu tư vốn (tức là có mối quan hệ giữa mức đầu tư và tốc độ thay đổi công nghệ)



HÀM Ý CHÍNH SÁCH

- Thuyết tăng trưởng tân cổ điển có hàm ý chính sách hạn chế: công nghệ nằm ngoài mô hình (ngoại sinh) và tỉ lệ đầu tư không ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng
- Thuyết tăng trưởng mới quay lại bài học của quá khứ: đầu tư vào vốn, thay đổi công nghệ và ngoại thương
- Nhưng hàm ý chính sách vẫn hết sức hạn chế: mô hình bỏ qua các yếu tố phía cầu và vai trò của nhà nước
 - Tiết kiệm không tự động bằng với đầu tư
 - Thuyết tăng trưởng mới không tạo ra được những giả thuyết có thể kiểm định được
- Năng suất yếu tố tổng hợp không phải thước đo đáng tin cậy để phản ánh tốc độ thay đổi công nghệ



CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Những giả định của mô hình tăng trưởng tân cổ điển là gì? Các giả định này có liên quan đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hay không?
2. Những yếu tố liên quan đến tăng trưởng kinh tế chưa được đề cập đến trong mô hình Solow hoặc thuyết tăng trưởng “mới” là gì?

